

Bản án số: 29/2023/HSST

Ngày: 24/02/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Vĩnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng

Bà Nguyễn Thị Lâm (Nguyên giáo viên)

Thư ký tòa án - ghi biên bản phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:

- Ông Đỗ Hoàng G – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/HSST-TL ngày 05/01/2023 đối với các bị cáo:

1/Họ và Tên: Nguyễn Bình M, sinh năm: 2002. HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc G. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên bố: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975. Họ tên mẹ: D Thị N- sinh năm: 1978. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Theo danh chỉ bản số: 585 lập ngày: 21/8/2022 tại công an quận Long Biên, Hà Nội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 11/8/2022, H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Bùi Ánh D, sinh ngày: 30/11/2004 (khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 08 tháng 10 ngày). HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố K, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc G.

Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Tự do. Họ tên bố: Bùi Yên D, sinh năm: 1980. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1985. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Theo danh chỉ bản số: 587 lập ngày: 21/8/2022 tại công an quận Long Biên, Hà Nội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 11/8/2022, H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: Nguyễn Hoài N, sinh năm: 2000. HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc G. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Tự do. Họ tên bố: Nguyễn Văn S, sinh năm: 1973. Họ tên mẹ: Lê Thị L, sinh năm: 1978. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Theo danh chỉ bản số: 588 lập ngày: 21/8/2022 tại công an quận Long Biên, Hà Nội bị cáo chưa có tiền sự; 01 tiền án:

Tiền án: Tại bản án HSST số 05 ngày 26/01/2021, TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc G xử 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tài sản chiếm đoạt trị giá 22.053.000đ), bị cáo kháng cáo. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 45 ngày 30/3/2021 của TAND tỉnh Bắc G đình chỉ xét xử phúc thẩm do bị cáo rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/8/2021. Bị cáo chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này là tái phạm.

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 11/8/2022, H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: Phạm Ngọc Q, sinh năm: 2003. HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc G. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 11/12. Nghề nghiệp: Tự do. Họ tên bố: Phạm Trọng T, sinh năm: 1983. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Vân A, sinh năm: 1982. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Theo danh chỉ bản số: 586 lập ngày: 22/8/2022 tại công an quận Long Biên, Hà Nội bị cáo chưa có tiền sự, tiền án.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 12/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 19/8/2022 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bị hại: anh Phan Hồng H, sinh ngày: 25/9/2004 (17 tuổi 06 tháng 05 ngày), trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc G. Vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Phan Văn T, bố đẻ sinh năm 1983 và mẹ đẻ là bà: Hồ

Thị S, sinh 1986 (vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt)

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo D (luật sư chỉ định): Bà Nguyễn Phương Anh, trợ giúp pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, được chỉ định. (có mặt)

+ Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Bùi Ánh D:

Bà Nguyễn Thị C, mẹ đẻ của bị cáo (có mặt)

+ Các luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bình M: Luật sư Ong Thị Thanh và Ngô Thị Thu thuộc Văn phòng luật sư Vũ Anh Hùng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17h00 ngày 10/08/2022, Công an phường Phúc Đồng nhận được đơn trình báo của anh Phan Hồng H (SN: 25/9/2004, trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc G) về việc: Khoảng 22h00' ngày 09/08/2022, tại số 3 ngõ 247 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội, anh H bị Nguyễn Bình M, Bùi Ánh D, Nguyễn Hoài N dùng vũ lực cướp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro 64Gb màu xanh, sau đó M bán chiếc điện thoại này cho Phạm Ngọc Q. Khi bị chiếm đoạt tài sản, anh H 17 tuổi 10 tháng 12 ngày. Nhận được tin báo, cơ quan điều tra đã điều tra làm rõ:

Khoảng tháng 11/2021, anh Phan Hồng H có vay của Nguyễn Bình M 14.000.000 đồng và Bùi Ánh D 4.000.000 đồng, không viết giấy tờ, hẹn thanh toán trong 01 tháng nhưng do không có tiền trả nên anh H đi khỏi nhà lên Hà Nội, chặn liên lạc với M, D. Đến khoảng 15h00' ngày 09/8/2022, D gặp Phạm Ngọc Q tại quán cắt tóc tại thị trấn Nham Biên, Yên Dũng, Bắc G. Qua nói chuyện, D biết Q gần đây có liên lạc được với anh H và H anh H đang ở Hà Nội. D đã nhờ Q liên lạc, hẹn gặp anh H để đòi nợ, Q đồng ý và hẹn được anh H gặp nhau tại Hà Nội. Sau đó, D gọi điện cho Nguyễn Bình M, M đồng ý và D rủ thêm Nguyễn Hoài N cùng đi, N đồng ý và đến quán cắt tóc gặp D, Q. D bảo N thuê xe ô tô đi Hà Nội. N gọi cho anh Trần Văn G (SN 1993, HKTT: Thị Trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc G) là lái xe dịch vụ để thuê chở xuống Hà Nội. Sau đó, anh G điều khiển xe ô tô Hyundai i10 màu trắng, BKS: 98A - 245.70 đến đón D, N, Q và đi đến quán bi-a tại thị trấn Nham Biên đón M rồi đi Hà Nội. Trên xe, M và D bàn bạc để Q nhấn tin hẹn anh H ra gặp

để nói chuyện về việc trả nợ nhưng anh H bận nên cả nhóm đi ăn tối. Đến khoảng 20h00' cùng ngày, Q hẹn được anh H gặp nhau tại quán bia Tùng Lâm, địa chỉ: Số 3 ngõ 247 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội nên cả nhóm đến quán bia đợi anh H. Tại đây, Q vào quán bia Tùng Lâm đợi anh H, còn D, M, N ra quán nước gần đó đợi. Đến khoảng 21h20' cùng ngày, anh H đến và ngồi uống bia nói chuyện với Q khoảng 15 phút thì D, M, N đi vào gặp anh H. Tại đây, D bảo anh H: “Sao trốn kỹ thế” thì anh H nói xuống Hà Nội đi làm, M nói: “Đi làm mà không trả tiền à”. Sau đó, M, D hỏi anh H về việc vay tiền nhưng đến hẹn không trả, trốn tránh và yêu cầu anh H trả nợ thì anh H xin khất và hứa cuối tuần sẽ về bảo bố, mẹ trả nợ nhưng M, D không đồng ý và yêu cầu anh H gọi bố, mẹ để giải quyết luôn. Cả nhóm nói chuyện khoảng 15 phút thì đứng dậy đi về. Q đi thanh toán tiền ăn uống. M, D nói: “Đi về Bắc G cùng bọn anh để giải quyết nợ nần”, anh H đồng ý và cùng đi ra ngoài. Khi đi ra vị trí đỗ xe ô tô thì anh H nói không muốn về Bắc G nữa thì D dùng tay ôm cổ anh H từ phía sau, đấm 03 cái vào bụng anh H. N dùng chân đá 02 cái vào người anh H, còn M đấm 01 cái vào bụng và 01 cái vào mặt anh H làm anh H ngã ra, chảy máu mũi. Trong quá trình đánh, không chế anh H, D phát H trong túi quần anh H đang mặc có 01 chiếc điện thoại di động nên lấy và cầm trên tay. Lúc này, Q đi ra can ngăn, đỡ anh H dậy rồi cả nhóm lên xe đi về Bắc G. Trên xe, M hỏi điện thoại của anh H thì D cầm điện thoại đưa cho M. M bắt anh H đọc mật khẩu điện thoại để mở máy và mật khẩu Icloud nhưng anh H không nhớ thì M tự cài đặt reset máy về mặc định không còn thông tin gì mục đích bán điện thoại để trừ vào số nợ của anh H. Trên đường đi, M và D bảo anh H cùng về Bắc G gặp bố, mẹ để giải quyết việc trả nợ nhưng do ban đêm muộn, không muốn ồn ã, bản thân anh H không muốn về gặp bố, mẹ nên M bảo anh H về quán bi-a để viết giấy vay mượn tiền do trước đó, anh H vay tiền của M, D nhưng không viết giấy vay, anh H đồng ý. Đến khoảng 23h00' cùng ngày, cả nhóm đến quán bi-a tại Tiểu khu 2, thị trấn Nham Biền, Yên Dũng, Bắc G. Cả nhóm vừa chơi bi-a vừa nói chuyện khoảng 40 phút thì M đi ra gặp anh Nguyễn Văn Dũng (SN: 1991, HKTT: Tiểu khu 2, thị trấn Nham Biền, Yên Dũng, Bắc G) là chủ quán bi-a để mượn mẫu giấy mượn xe. Sau đó, M, D đọc đề anh H viết giấy với nội dung có mượn của Bùi Ánh D 01 xe Vespa, BKS: 98E1 - 198.98 và mượn của Nguyễn Bình M 01 xe máy Honda Wave, BKS: 98E1 - 849.67 (02 xe có giá trị tương đương với số tiền vay 14.000.000 đồng của M và 4.000.000 đồng của D), do trước đây M có buôn bán xe máy cũ, đã từng mua 02 xe trên và bán đi sau đó cho khách không quen biết nên biết rõ đặc điểm của xe. Sau đó, M mang chiếc điện thoại

chiếm đoạt được của anh H hỏi anh Dũng có nhận cầm máy không nhưng anh Dũng không cầm. Lúc này, Q có mang theo tiền nên M thỏa thuận bán chiếc điện thoại này cho Q với giá 5.000.000 đồng để trừ vào số nợ của anh H, khi nào anh H trả nợ thì sẽ cho anh H chuộc lại điện thoại. Q đồng ý mua điện thoại khi biết là do M, D, N cướp được của anh H, trừ tiền xe và tiền ăn uống, Q đưa lại cho M 3.300.000 đồng, M đưa cho D 1.650.000 đồng, D đưa cho N 500.000 đồng, D trả nợ Q 500.000 đồng do vay tiền trước đó và cho anh H 80.000 đồng để đi xe khách về Hà Nội. Sau đó, M, Q đi về, D lấy xe máy chở N, anh H về. Do anh H không muốn về nhà gặp bố, mẹ nên nhờ D chở về nhà bạn để ngủ nhờ. Đến ngày 10/8/2022, anh H đến cơ quan điều tra trình báo vụ việc.

Cơ quan công an tiến hành triệu tập M, D, N để làm việc, Phạm Ngọc Q đã đầu thú khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu xanh của anh H

Tại cơ quan điều tra, Bùi Ánh D, Nguyễn Bình M, Nguyễn Hoài N và Phạm Ngọc Q khai nhận hành vi phạm tội như nội dung trên. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 119 ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

- 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro 64Gb màu xanh trị giá 10.990.000 đồng
- 01 sim điện thoại số 0366690770 trị giá 0 đồng.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.990.000 đồng (Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, anh Phan Hồng H khai: Khoảng tháng 11/2021, anh H có vay của Nguyễn Bình M 14.000.000 đồng và Bùi Ánh D 4.000.000 đồng, đã tiêu sài hết nên anh H lên Hà Nội để tìm việc làm kiếm tiền trả nợ. Tối ngày 09/8/2022, anh H đến quán bia Tùng Lâm tại số 3 ngõ 247 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội để gặp Phạm Ngọc Q. Khoảng 15 phút sau, M, D và Nguyễn Hoài N đến nói chuyện với anh H về việc trả nợ. Anh H xin hẹn cuối tuần trả nhưng M, D không đồng ý, yêu cầu anh H cùng về Bắc G gặp bố, mẹ của anh H để giải quyết nợ nần do bản thân anh H không thể trả nợ được. Anh H đồng ý về Bắc G cùng M, D. Sau đó, Q đi thanh toán tiền ăn uống, anh H, D, M và N đi ra ngoài thì anh H không muốn về Bắc G gặp bố,

mẹ nữa do sợ gia đình biết sẽ bị quản lý, bắt đi học lại. Lúc này, D dùng tay ôm cổ anh H từ phía sau, đánh 03 cái vào bụng anh H. N dùng chân đá 02 cái vào người anh H, còn M đấm 01 cái vào bụng và 01 cái vào mặt anh H làm anh H ngã ra, chảy máu mũi. Trong quá trình đánh, không chế anh H, D phát H trong túi quần anh H đang mặc có 01 chiếc điện thoại di động nên lấy và cầm trên tay. Lúc này, anh H không kêu cứu hay nhờ giúp đỡ do chỉ bị đánh vài cái, xây sát nhẹ, việc bị đánh do bản thân vay nợ nhưng trốn tránh không trả. Sau đó, Q đến can ngăn và anh H đồng ý tự nguyện lên xe ô tô về Bắc G. Trên xe, anh H không bị ép buộc, đánh đập. M, D có nói về nhà anh H gặp bố, mẹ của anh H để giải quyết nợ nần nhưng do ban đêm, sợ âm ỉ nên M bảo về quán bi-a để anh H viết giấy nợ, anh H đồng ý. Tại quán bi-a, cả nhóm chơi bi-a khoảng 40 phút thì M, D có bảo anh H viết giấy mượn xe để hợp thức hóa việc vay mượn tiền (do trước đó việc vay mượn tiền giữa anh H và M, D không có giấy tờ), sau đó M, D sẽ cầm giấy này đến gặp bố, mẹ của anh H để giải quyết nợ nần, anh H đồng ý và tự viết giấy, không bị ép buộc. Sau đó, M bán chiếc điện thoại của anh H cho Q với giá 5.000.000 đồng. Đến sáng hôm sau, anh H có kể sự việc cho bố biết và cùng bố đến cơ quan điều tra trình báo vụ việc.

Đối với anh Phan Hồng H đi từ Hà Nội về quán bi-a tại Tiểu khu 2, thị trấn Nham Biền, Yên Dũng, Bắc G cùng Bùi Ánh D, Nguyễn Bình M, Nguyễn Hoài N và Phạm Ngọc Q để viết giấy mượn xe là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức, mục đích để anh H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ đã vay trước đó với D, M, không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản gì khác nên cơ quan điều tra không xử lý các bị can là có căn cứ.

Đối với thương tích của anh Phan Hồng H, do chỉ bị xây xước ngoài da nên anh H từ chối giám định và không yêu cầu về bồi thường dân sự đối với thương tích này. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với anh Trần Văn G là người lái xe dịch vụ điều khiển xe ô tô chở các bị can ngày 09/8/2022, quá trình điều tra xác định anh G không tham gia vào hành vi phạm tội của các bị can nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro màu xanh đã qua sử dụng, anh Phan Hồng H là chủ sở hữu tài sản có đơn trình bày chưa muốn nhận lại tài sản và đề nghị chuyển cơ quan tố tụng giải quyết xử lý. Chuyển Tòa án xem xét giải quyết.

Về dân sự:

Anh Phan Hồng H không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự, đề nghị xử lý các bị can theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền mua điện thoại, Phạm Ngọc Q đề nghị được tự giải quyết riêng với các bị can, không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 03/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Bình M, Bùi Ánh D, Phạm Hoài N bị truy tố về: Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Ngọc Q bị truy tố về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng, xem xét hành vi các bị cáo bị truy tố tội Cướp tài sản đối với Nguyễn Bình M, Bùi Ánh D, Nguyễn Hoài N là nguy hiểm cho xã hội, đã phạm tội: Cướp tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự 2015, bị cáo Phạm Ngọc Q là nguy hiểm cho xã hội, đã phạm tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 323 BLHS 2015. Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s(khai báo thành khẩn) Khoản 1, Khoản 2 (bị cáo D và M có ông bà nội hưởng huân huy chương) Điều 51 Bộ luật Hình sự và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Đối với bị cáo: Phạm Ngọc Q áp dụng: Điều 65 Bộ luật Hình sự, các điểm s và điểm i Khoản 1, Khoản 2(đầu thứ) Điều 51 Bộ luật Hình sự Căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, từ đó đề nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt cụ thể đối với các bị cáo như sau:

+ Bị cáo Nguyễn Bình M: Mức án từ 38 tháng đến 40 tháng tù, tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2022.

+ Bị cáo Bùi Ánh D: Từ 36 tháng đến 40 tháng tù, tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2022.

+ Bị cáo Nguyễn Hoài N: Mức án từ 42 tháng đến 44 tháng tù, tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2022.

+ Bị cáo Phạm Ngọc Q: Mức án từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án

Về tang vật đã thu: 01 Chiếc điện thoại di động loại Iphone 11 Pro, vỡ màn hình đã qua sử dụng đang tạm giữ là tài sản của bị hại, bị hại xin nhận lại nên trả cho bị hại và có biên bản bản thu giữ H trong kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

Về số tiền thu lời bất chính: là 3,3 triệu đồng không xét vì các bị cáo và bị hại tự thỏa thuận với nhau, chiếc điện thoại của bị hại, bị cáo Q đã nộp lại.

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định, các bị cáo, bị hại, người đại diện, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong hạn quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo:

Các luật sư và trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo đều nhất trí về tội danh Cướp tài sản như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo M và D.

+ Đối với bị cáo M qua phiên tòa và hồ sơ thể H bị cáo có việc vay nợ với bị hại, bị hại không trả nợ nên bị cáo bức xúc và thiếu hiểu biết pháp luật, tuy nhiên trong vụ án này bị cáo M vai trò thứ yếu không bàn bạc bột phát theo bị cáo D, đề nghị mức án thấp hơn D và xem xét thấp hơn mức của viện kiểm sát, đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo Điểm s Khoản 1, Khoản 2(vì bị cáo có ông bà được thưởng Huân huy chương, giấy khen) Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo D: Trợ giúp viên pháp lý cũng đề nghị xem xét quan hệ các bị cáo là dân sự với bị hại, bị cáo cũng chưa có tiền án và tiền sự, thiếu hiểu biết lại là chưa đủ 18 tuổi nên đề nghị áp dụng các điều 90, điều 91, điều 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo D cũng khai báo thành khẩn thể H ăn năn, bị cáo có thành tích sáng tạo được thưởng bằng khen về sáng tạo, áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì bị cáo có ông bà nội có huân huy chương, áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị HĐXX xử phạt dưới mức thấp nhất mà VKS đề nghị.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực H đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại, người đại diện của bị cáo, bị hại, luật sư bào chữa cho các bị cáo trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực H đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay xét các lời khai cùng các bản tự khai của các bị cáo Nguyễn Bình M, Bùi Ánh D và Nguyễn Hoài N, các lời khai này thể H các bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực đối với bị hại là anh Phan Hữu H để cướp tài sản của anh H là chiếc điện thoại di động. Bị cáo D là người có hành vi ôm, đánh bằng tay, bị cáo cũng là người trực tiếp thò tay vào túi quần của anh để lấy chiếc điện thoại di động của anh H, còn bị cáo N dùng chân đá vào người anh H, bị cáo M dùng tay đâm vào bụng và mặt của bị hại. Các hành vi sử dụng bằng vũ lực: tay chân của cả số đông ba bị cáo này phù hợp với biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh H (tại bút lục 107) như: Sóng mũi bị tím; 01 vết hằn đỏ trên má trái kích thước: 0,3 x 1,5 cm; 01 vết hằn trên cổ trái; 02 vết sước hằn vùng gáy bên trái. Điều này cũng phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại và người lái xe tắc xi về việc anh H bị bắt ép ngồi trên xe tắc xi, anh H ngồi ở giữa, và vị trí khi các bị cáo đứng ngoài đường trước khi buộc anh H lên xe để về Bắc G. Vai trò mức độ của các bị cáo như sau: Bị cáo D là người rủ rê các bị cáo M và N, bị cáo cũng là người ôm, đánh bị hại bằng tay và trực tiếp thò tay vào túi quần lấy tài sản là chiếc điện thoại, bị cáo N và M dùng tay chân đá, đâm vào bụng, mặt bị hại, nhưng cũng chính bị cáo M bảo “cắm” điện thoại cho bị cáo Q và là người đề xuất gặp bị hại ở quán bia. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cùng một lúc xâm phạm đến cả quan hệ sở hữu và sức khỏe của bị hại, tuy nhiên bị hại không có yêu cầu đi giám định sức khỏe vì các vết bầm tím trên cơ thể là nhẹ, các bị cáo phạm tội đồng phạm đơn giản, giữa các bị cáo M và D với bị hại có quan hệ vay nợ dân sự từ trước nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên phạm tội, tài sản là chiếc điện thoại di động bị cướp theo kết luận định giá số: 119 ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

- 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro 64Gb màu xanh trị giá 10.990.000 đồng
- 01 sim điện thoại số 0366690770 trị giá 0 đồng.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.990.000 đồng (Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Trong vụ án này các bị cáo có hành vi cướp tài sản, phạm tội không có sự tổ chức, bố trí phân công, mức hình phạt của bị cáo D cao hơn vì bị cáo tuy chưa đủ 18 tuổi nhưng vai trò lớn hơn: rủ rê Q, N, và bị cáo M, trực tiếp lấy tài sản, các bị cáo M và N vai trò thấp hơn nhưng bị cáo N có 01 tiền án, lần này phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên mức án cao hơn bị cáo M. Các bị cáo áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải ngay khi bị hại trình báo, áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Theo quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ Luật Hình sự bị cáo D khi phạm tội là 17 tuổi 08 tháng 10 ngày nên mức án không quá mức án $\frac{3}{4}$ đối với người đủ 18 tuổi.

Hành vi của các bị cáo: Nguyễn Bình M, Bùi Ánh D và Nguyễn Hoài N đã phạm tội cướp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của bị cáo Phạm Ngọc Q. Bị cáo Q là người quen biết các bị cáo và bị hại đồng thời cũng chủ động gặp bị hại tạo điều kiện cho các bị cáo M và D gặp bị hại tại quán bia trên địa bàn quận Long Biên, trên đường đi giữa các bị cáo tuy không bàn bạc sắp đặt cụ thể việc cướp tài sản là chiếc điện thoại, việc cướp điện thoại là ngoài ý muốn của bị cáo Q, Q cũng là người đứng ra can ngăn việc đánh bị hại nhưng bị cáo biết tài sản này của bị hại và nguồn gốc tài sản này do các bị cáo phạm tội cướp tài sản chiếm đoạt được nhưng vẫn có giao dịch mua bán, như vậy bị cáo Phạm Ngọc Q bỏ số tiền 3, 3 triệu đồng để mua trong khi trị giá tài sản là gần 11 triệu đồng. Hành vi này của bị cáo Phạm Ngọc Q đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Xem xét bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên có thể cho bị cáo áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cải tạo ngoài xã hội.

Hành vi này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quan hệ sở hữu, gây mất trật tự trị an và xâm hại đến cả sức khỏe của người khác. Cần có hình

phạt để cải tạo giáo dục và phòng ngừa trong xã hội.

Về trách nhiệm dân sự giữa các bị cáo trong việc bị cáo Q đã bỏ tiền 3,3 triệu đồng do các bị cáo không yêu cầu, nhưng đây là số tiền có được từ hành vi trái pháp luật nên tịch thu mỗi bị cáo: 1.650.000đ(một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng của bị cáo M và D) nên không xét. Số tiền vay nợ giữa các bị cáo và bị hại không yêu cầu nên cũng không xem xét trong vụ án này, giải quyết bằng vụ án dân sự khi một trong các bên có yêu cầu.

+ Tang vật đã thu trong vụ án: Là 01 chiếc điện thoại là tài sản của bị hại nên trả lại cho bị hại do bị hại có đơn yêu cầu.

Các bị cáo phải nộp án phí và có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật. Bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, bị hại cũng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Khoản 1 Điều 168, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự cả 03 bị cáo: Bùi Ánh D, Nguyễn Bình M, Nguyễn Hoài N; áp dụng riêng đối với bị cáo Bùi Ánh D các Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Điều 47, Điểm s(khai báo thành khẩn) Khoản 1, Khoản 2 (các bị cáo M, D có gia đình là bố, mẹ, ông bà, và bị cáo D có giấy khen) Điều 51 Bộ luật Hình sự; Đối với bị cáo: Phạm Ngọc Q căn cứ: Khoản 1 Điều 323, Điều 65 Bộ luật Hình sự, các điểm s và điểm i Khoản 1, Khoản 2(đầu thú) Điều 51 Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

1/ Tuyên bố các bị cáo: Bùi Ánh D, Nguyễn Bình M, Nguyễn Hoài N phạm tội Cướp tài sản. Bị cáo Phạm Ngọc Q phạm tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

2/ Xử phạt:

+ Bị cáo Bùi Ánh D: 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2022.

+ Bị cáo Nguyễn Bình M: 38 (ba mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2022.

+ Bị cáo Nguyễn Hoài N: 40 (bốn mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2022.

Các bị cáo D và M phạm tội cướp tài sản không bị áp dụng hình phạt bổ sung nhưng bị cáo D, bị cáo M mỗi bị cáo phải truy nộp số tiền: 1.650.000đ(một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho nhà nước. Đây là khoản thu lợi bất chính theo điều 47 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Phạm Ngọc Q: 08(tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Phạm Ngọc Q về nơi cư trú là: Tổ dân phố M Phương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc G để theo dõi và giám sát trong thời hạn thử thách của bản án.

Trong trường hợp bị cáo Phạm Ngọc Q thay đổi nơi cư trú thì bị cáo phải thực H theo quy định của Pháp luật về Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách của bản án treo, nếu bị cáo: Phạm Ngọc Q cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo, bị cáo vi phạm phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo. Trường hợp thực H hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ: Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 quy định mức án phí, lệ phí Tòa án

3/ Xử lý tang vật:

+ Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày: 05/01/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Long Biên, TP Hà Nội:

- Trả lại cho bị hại Phan Hồng H, sinh ngày: 25/9/2004, trú tại: Thôn Cát xã Đức G, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc G.

4/ Quyền kháng cáo, án phí: Các bị cáo Nguyễn Bình M, Bùi Ánh D, Nguyễn Hoài N, Phạm Ngọc Q phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện cho bị cáo D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo hạn 15 ngày từ ngày tuyên án. Bị hại H và Đại diện bị

hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp bị cáo, bị hại; đại diện bị hại
- Viện kiểm sát quận Long Biên;
- THA quận;
- Công an quận;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Vĩnh